

PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Công văn số 4 5 7 8 /DKVN-KTĐT ngày 01/12/2024 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 của PVN đã được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (UBQLV) phê duyệt tại Quyết định số 75/QĐ-UBQLV ngày 09/3/2023.

Ngày 22/6/2023, UBQLV đã ban hành Quyết định số 297/QĐ-UBQLV về Giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp năm 2023 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

- Gia tăng trữ lượng dầu khí đạt 13,0 triệu tấn, vượt 8,3% kế hoạch năm.
- Sản lượng khai thác dầu đạt 10,41 triệu tấn, vượt 12,1% kế hoạch năm:
 - + Khai thác dầu trong nước đạt 8,63 triệu tấn, vượt 14,7% kế hoạch năm.
 - + Khai thác ở nước ngoài đạt 1,78 triệu tấn, vượt 1,1% kế hoạch năm.
- Sản lượng khai thác khí đạt 7,47 tỷ m³, vượt 25,7% kế hoạch năm.
- Sản xuất điện đạt 23,07 tỷ kWh, bằng 96,1% kế hoạch năm.
- Sản xuất đạm đạt 1,77 triệu tấn, vượt 10,3% kế hoạch năm.
- Sản xuất xăng dầu (không bao gồm NSRP) đạt 7,36 triệu tấn, vượt 33,2% kế hoạch năm.

b. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính

- Chỉ tiêu tài chính hợp nhất Tập đoàn:
 - + Doanh thu hợp nhất đạt 551,04 nghìn tỷ đồng, vượt 33,2% kế hoạch năm.
 - + Lợi nhuận trước thuế đạt 56,39 nghìn tỷ đồng, vượt 62,3% kế hoạch.
 - + Nộp Ngân sách đạt 87,75 nghìn tỷ đồng, vượt 2 lần kế hoạch năm.
- Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ - PVN:
 - + Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023 đạt 372,25 nghìn tỷ đồng.
 - + Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023 là 281,5 nghìn tỷ đồng.
 - + Doanh thu Công ty mẹ đạt 213,35 nghìn tỷ đồng, vượt 17,5% kế hoạch năm.
 - + Lợi nhuận trước thuế đạt 21,70 nghìn tỷ đồng, vượt 2 lần kế hoạch năm.
 - + Nộp Ngân sách đạt 22,68 nghìn tỷ đồng, vượt 80,3% kế hoạch năm.

BẢNG SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
CỦA CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có)
1	Sản phẩm sản xuất chủ yếu				
-	Khai thác dầu, khí	Triệu tấn quy đổi	15,23	17,88	17,88
	<i>Dầu thô, condensate</i>	<i>Triệu tấn</i>	<i>9,29</i>	<i>10,41</i>	<i>10,41</i>
	<i>Khí</i>	<i>Tỷ m³</i>	<i>5,94</i>	<i>7,47</i>	<i>7,47</i>
-	Sản xuất điện	Tỷ KWh	24,00	23,07	23,07
-	Sản xuất đạm	Nghìn tấn	1.600	1.765	1.765
-	Sản xuất xăng dầu các loại (không bao gồm sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn)	Nghìn tấn	5.526	7.358	7.358
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	181.625	213.345	551.041
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10.889	21.700	56.389
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10.455	20.373	40.278
5	Thuế và các khoản nộp Nhà nước	Tỷ đồng	12.576	22.678	87.750
6	Tổng số lao động (*)	Người	1.109	1.126	
7	Tổng quỹ lương (*)				
-	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	13,90	14,87	
-	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	482,59	513,35	

Ghi chú: (*) Tổng số lao động và Tổng quỹ lương thực hiện năm 2023 của Công ty mẹ - PVN là số dự kiến, PVN đang chờ phê duyệt của UBQLV.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu ảnh hưởng tới tình hình SXKD của PVN

a. Thuận lợi

Tình hình chính trị của Việt Nam luôn được duy trì ổn định; hệ thống quy phạm pháp luật ngày càng được hoàn thiện hơn theo hướng giảm bớt các thủ tục, tháo gỡ các khó khăn, rào cản, nút thắt để tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển.

PVN luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của Đảng và Chính phủ, sự hỗ trợ tích cực của các Bộ, Ban/ngành, các tổ chức đoàn thể trung ương và các địa phương liên quan. Trong năm 2023, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều cuộc làm việc trực tiếp với PVN để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD, đặc biệt là các khó khăn trong thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm của PVN/các đơn vị thành viên.

Bài học kinh nghiệm từ thực hiện các giải pháp quản trị, điều hành hiệu quả, linh hoạt, đặc biệt là công tác “Quản trị biến động”, phát huy hiệu quả chuỗi giá trị toàn ngành được triển khai quyết liệt, xuyên suốt những năm qua đã giúp PVN dự báo chính xác, phản ứng kịp thời, linh hoạt trước những biến động, tận dụng và phát huy hiệu quả nguồn lực trong chuỗi giá trị để giảm thiểu thiệt hại từ các tác động tiêu cực, đẩy mạnh công suất hoạt động tối đa của các nhà máy, tận dụng tốt cơ hội thị trường, duy trì hoạt động SXKD ổn định, thông suốt đã tạo niềm tin, động lực cho toàn Tập đoàn vượt qua những khó khăn để triển khai thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

Công tác chuyển đổi số được chú trọng, tập trung triển khai đồng bộ từ PVN đến các đơn vị thành viên; các quy trình liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp, quy trình quản lý nội bộ đã được nâng cao giúp công tác quản trị doanh nghiệp được chuyên nghiệp và hiệu quả; đội ngũ CBNV kỹ thuật của PVN được đào tạo chuyên nghiệp và tích lũy nhiều kinh nghiệm, năng lực từ thực tế quản lý và vận hành các dự án/công trình lớn, công nghệ cao. Khả năng làm chủ công nghệ, tự chủ trong công tác vận hành bảo dưỡng, tối ưu hóa vận hành và tối ưu hóa chi phí sản xuất ngày càng được nâng cao.

Các thể chế, chính sách tạo tiền đề quan trọng để PVN ổn định, phát triển bền vững dần được hoàn chỉnh.

b. Khó khăn.

Bên cạnh những thuận lợi, PVN phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức như:

- Kinh tế thế giới năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; lạm phát duy trì ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục. Các động lực tăng trưởng truyền thống của kinh tế thế giới như thương mại, đầu tư, SX tiếp tục gặp khó khăn, thách thức. Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu và hầu hết các nền kinh tế lớn đều ở dưới ngưỡng 50 điểm, kéo dài từ tháng 9/2022 và xuyên suốt trong năm 2023; cầu về tiêu dùng hàng hóa suy giảm mạnh.
- Xung đột địa chính trị diễn ra tại các trung tâm dầu mỏ của thế giới dẫn đến những bất ổn đối với kinh tế thế giới còn đang hồi phục mong manh sau đại dịch Covid-19; ảnh hưởng nghiêm trọng đến lĩnh vực năng lượng và các công ty dầu khí trên toàn cầu trong đó có PVN.
- Biến động lớn của thị trường năng lượng về cung-cầu dầu thô và giá các sản phẩm năng lượng, giá phân bón, biên lợi nhuận lọc hóa dầu suy giảm mạnh và không tuân theo quy luật thị trường, khó đoán định đã ảnh hưởng toàn diện đến tất cả các lĩnh vực hoạt động SXKD của PVN.
- Sự phát triển của các loại hình năng lượng tái tạo đã và đang ảnh hưởng mạnh đến hoạt động SXKD của PVN; do việc ưu tiên huy động các dự án năng lượng tái tạo, nên giảm huy động các nhà máy điện khí tại khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ dẫn đến giảm nhu cầu khí cho phát điện; khiến hoạt động khai thác và tiêu thụ khí đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng.
- Do tác động bởi kinh tế vĩ mô dẫn đến nhu cầu tiêu dùng tăng trưởng thấp ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu huy động điện tại các nhà máy điện của PVN, tác động tiêu

cực đến hiệu quả hoạt động SXKD trong lĩnh vực điện; đặc biệt là các nhà máy điện khí – là thị trường chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu hoạt động kinh doanh khí của PVN.

- Các dự án trọng điểm nhà nước về dầu khí, dự án điện cấp bách như: Chuỗi dự án khí – điện Lô B, Chuỗi dự án khí – điện Cá Voi Xanh, dự án Nhiệt điện Long Phú 1; dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ, hiện tại vẫn đang chờ cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện các dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt

a. Dự án nhóm A

(i) Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:

Hiện nay, dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục công trình phục vụ công tác vận hành thương mại; các Tổ máy đã được nghiệm thu hoàn thành có điều kiện đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư và Tổng thầu đã ký kết Biên bản bàn giao có điều kiện và đã được PVN tổ chức Lễ Khánh thành, Thủ tướng Chính phủ phát lệnh chính thức khánh thành vào ngày 27/4/2023. Chủ đầu tư và Tổng thầu đã hoàn thiện thủ tục, ký kết Phụ lục bổ sung của Hợp đồng EPC về thỏa thuận trung dụng các Tổ máy nhằm đảm bảo cho công tác vận hành, phát điện của Nhà máy lên Hệ thống lưới điện Quốc gia khi có yêu cầu/chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền. Thực tế, Nhà máy đã được đưa vào vận hành từ tháng 5/2023 nhằm đảm bảo an ninh cung cấp điện trên cơ sở yêu cầu của EVN và Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia.

Trong thời gian tới, Ban Quản lý dự án sẽ phải triển khai các công việc còn lại của dự án như: hoàn thành các hạng mục công việc tồn tại và hoàn thiện các thủ tục liên quan để cấp Chứng chỉ bàn giao các Tổ máy, hoàn thiện thủ tục vận hành thương mại chính thức của Nhà máy; Triển khai các hạng mục công trình còn lại của Dự án như: kho than số 3, kho chứa vật tư thiết bị và các hạng mục còn lại khác; Triển khai khu nhà ở CBCNV vận hành và sửa chữa Nhà máy; Đồng thời, triển khai công tác quyết toán Hợp đồng EPC và các hợp đồng liên quan của dự án (quyết toán A-B), quyết toán dự án hoàn thành.

(ii) Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1:

Ngày 06/5/2022, dự án Nhà máy chính đã hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại. Hiện tại, Nhà máy đang vận hành ổn định theo huy động của A0. Ban Quản lý dự án tiếp tục triển khai công tác quyết toán dự án và các hạng mục, dự án thành phần là Khu nhà ở CBCNV vận hành dự án.

(iii) Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1:

Với các khó khăn vướng mắc hiện nay của dự án, việc xác định chính xác tiến độ vận hành thương mại Nhà máy được thực hiện sau khi có phương án tiếp tục triển khai dự án được cấp thẩm quyền chấp thuận. Chủ đầu tư đã hoàn thành một số hạng mục cấp bách để bảo quản lâu dài thiết bị trong thời gian chờ phương án triển khai dự án. Những hệ thống, hạng mục, thiết bị này đều ở trong tình trạng dở dang, không được thi công, lắp đặt hoàn thiện đến điểm dừng kỹ thuật phù hợp để tiến hành bảo quản lâu dài, nếu không có các giải pháp cấp bách để xử lý kịp thời có thể dẫn đến rủi ro phát sinh rất nhiều thiệt hại và chi phí cho chủ đầu tư.

(iv) Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Long Phú - giai đoạn 1:

Dự án đã được tổ chức thẩm định để phê duyệt Báo cáo quyết toán (trừ hạng mục Bãi thải xỉ do chưa được phê duyệt phương án triển khai thi công).

(v) Dự án Lô 133-134:

Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gia hạn lần 7 Pha 1 - Giai đoạn tìm kiếm thăm dò với tổng thời gian 21 năm. Tuy nhiên, theo yêu cầu của Chính phủ về chuyển nhượng quyền lợi tham gia và quyền điều hành, dự án đang tạm dừng các hoạt động thực địa (địa chấn, khoan) và chỉ thực hiện một số nghiên cứu kỹ thuật tại văn phòng.

(vi) Dự án Lô 06-1:

Trong năm 2023, Dự án triển khai theo Chương trình công tác và Ngân sách đã được PVN và các Bên phê duyệt. Dự án đang trong giai đoạn cuối đời mỏ, rất cần hướng dẫn của các cấp thẩm quyền liên quan đến phương án tiếp tục triển khai dự án.

(vii) Dự án Lô 117-118-119 (Cá Voi Xanh):

Năm 2023, tiến độ triển khai dự án phát triển mỏ khí Cá Voi Xanh bị chậm do ExxonMobil (EXM) chưa tích cực chủ động triển khai các công việc của dự án. EXM chỉ tiến hành một số công việc đang triển khai theo Chương trình công tác và Ngân sách được phê duyệt và chờ quyết định từ Công ty mẹ EXM. Điều này ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án.

(viii) Dự án Lô 05-1 b,c:

Năm 2023, dự án thực hiện theo đúng Chương trình Công tác và ngân sách đã được PVN và các Bên phê duyệt, Nhà điều hành đã hoàn thành hầu hết các hạng mục công việc, các hạng mục đã được MCM phê duyệt.

(ix) Dự án Lô 135&136/03:

Năm 2023, dự án không thực hiện công việc theo yêu cầu của Chính phủ.

b. Dự án nhóm B:

(i) Dự án Sân phân phối 500kV/ 220kV Trung tâm điện lực Long Phú:

Dự án đã được Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao công trình cho Tổng thầu để chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình.

Công tác bàn giao tài sản từ PVN cho EVN/EVNNPT: ngày 20/8/2023, PVN đã bàn giao cho EVN/EVNNPT tiếp nhận quản lý vận hành.

(ii) Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Sông Hậu – giai đoạn I:

Các hạng mục cơ sở hạ tầng của dự án đã hoàn thành, đáp ứng yêu cầu tiến độ của Nhà máy chính.

BẢNG SỐ 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2023
CỦA CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến hết năm 2023 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án
I	Dự án nhóm A						
1	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	41.799,1	12.539,7	29.259,4		37.791,27	
2	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	43.043,9	12.913,2	30.130,7		13.187,45 (và 1.222,73 triệu USD)	
3	Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	29.580,9	8.874,3	20.706,6		12.910,52	
4	Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Long Phú – giai đoạn I	953,9	953,9			674,39	
5	Lô 133-134	9.181,5	9.181,5				
6	Lô 06-1	13.070,7	2.614,14		10.456,6	47.272,07	
7	Lô 117-118-119					2.432,24	
8	Lô 05-1 b,c	30.938,0	6.187,5		24.750,4	34.555,72	
9	Lô 135&136/03	2.468,0	2.468,0			1.148,59	
II	Dự án nhóm B						
1	Sân phân phối 500kV/ 220kV Trung tâm điện lực Long Phú	849,4	254,8	594,6		559,38	
2	Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Sông Hậu – giai đoạn I	2.101,6	630,5	1.471,1		1.110,18	

2. Các khoản đầu tư tài chính

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ - PVN tại ngày 31/12/2023:

TT	Nội dung	Giá trị (tỷ đồng)
A	Đầu tư vào công ty con	155.979,938
I	Lĩnh vực kinh doanh chính	152.079,938
1	Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	59.700,000
2	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	2.569,543
3	Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP	18.328,359
4	Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP	8.328,036

TT	Nội dung	Giá trị (tỷ đồng)
5	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	18.721,415
6	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.127,222
7	Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	2.295,000
8	Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	2.548,598
9	Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	1.304,873
10	Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	4.000,231
11	Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	1.990,550
12	Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	1.602,310
13	Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	28.563,802
II	Các công ty tài chính, bất động sản	3.900,000
14	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	3.900,000
B	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	26.241.286
I	Lĩnh vực kinh doanh chính	25.316,499
1	Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro	8.596,995
2	Công ty TNHH Liên doanh Rusvietpetro	2.609,359
3	Tổng công ty Bảo dưỡng sửa chữa công trình Dầu khí – CTCP	205,000
4	Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP	267,006
5	Công ty CP Phát triển Đông dương xanh	180,322
6	Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	12.669,145
7	Công ty TNHH Tân cảng – Petro Cam Ranh	500,000
8	Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP	78,934
9	Tổng công ty CP Dịch vụ tổng hợp Dầu khí Việt Nam	209,739
II	Các công ty tài chính, ngân hàng, bất động sản	924,787
10	Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (trước đây là Công ty CP Đầu tư tài chính công đoàn Dầu khí Việt Nam)	105,000
11	Công ty cổ phần PVI	819,787
C	Đầu tư tài chính khác	1.155,069
I	Lĩnh vực kinh doanh chính	980,069
1	Công ty CP Dầu khí và Đầu tư khai thác cảng Phước An	350,000
2	Công ty TNHH Gazpromviet	380,476
3	Hợp đồng hợp tác TAD	249,593
II	Các công ty tài chính, ngân hàng, bất động sản	175,000
4	Ủy thác quản lý vốn danh mục đầu tư	175,000
	TỔNG SỐ	183.376,294

1. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

- Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà PVN nắm trên 50% vốn điều lệ: Trong năm 2023, trong tổng số 14 công ty con có 13 công ty kinh doanh có lãi, 01 đơn vị lỗ (Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam).

- Tình hình đầu tư của PVN vào các công ty này: Tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ - PVN tại ngày 31/12/2023 vào 14 công ty con có tổng giá trị vốn đầu tư là 155.979,94 tỷ đồng. Trong năm 2023, PVN thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị này là 12.071 tỷ đồng.

- Tóm tắt về hoạt động, tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO PVN NĂM CỠ PHÂN CHI PHỐI NĂM 2023

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận về PVN (tỷ đồng)	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
I	Các công ty con do PVN nắm giữ 100% vốn điều lệ	61.691	61.691	117.688	40.972	18.962	9.540	-	26.795	34.079
1	Tổng Công ty Thăm dò khai thác Dầu khí	59.700	59.700	111.547	40.140	18.943	9.521	-	26.790	26.749
2	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	1.991	1.991	6.141	832	19	19	-	5	7.330
II	Các công ty con do PVN nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	125.686	94.289	607.993	446.140	32.640	27.440	12.071	38.114	373.868
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTPC	10.342	8.328	38.839	103.639	798	521	167	10.173	27.446
2	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTPC	23.419	18.721	70.362	29.035	1.442	1.283	-	1.396	36.243
3	Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	31.005	28.564	86.595	150.116	9.639	8.593	2.252	17.420	29.326
4	Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí – CTPC	3.914	2.570	13.309	14.038	691	530	1.632	242	1.764
5	Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTPC	22.967	18.328	87.754	92.260	14.640	11.793	6.598	6.427	22.456

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận về nộp về PVN (tỷ đồng)	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
6	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	9.000	3.900	221.018	23.089	109	99	-	149	210.261
7	Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.000	2.127	6.214	1.239	(267)	(265)	-	55	5.687
8	Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	4.780	2.295	26.416	21.742	1.277	1.060	172	855	12.872
9	Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	5.563	2.549	21.633	6.094	658	546	-	445	6.735
10	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	3.237	1.305	17.490	10.135	1.549	1.222	50	522	8.460
11	Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	5.294	4.000	15.238	13.172	1.255	1.110	1.200	427	5.275
12	Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	2.165	1.602	3.125	1.580	849	849	-	2	7.345
	CỘNG	187.376	155.980	725.682	507.112	51.603	36.980	12.071	64.909	407.946